TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DS-ST
Ngày 25-9-2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hường;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Dung;

Ông Trần Văn Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Doãn C; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn - có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Văn C, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn - có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị T; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn - có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn - có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Ông Lộc Quang C, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh

Lạng Sơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 972/UBND-VP ngày 15-8-2018) - vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. Ông Hoàng Doãn C1 - có mặt;

3. Bà Đinh Thị K - có mặt.

4. Chị Dương Thị C - vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị C: Anh Hoàng Doãn C; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 21-9-2018) - có mặt;

5. Ông Đinh Văn Q - vắng mặt;

6. Anh Đinh Văn N - vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Văn N và ông Đinh Văn Q: Bà Hoàng Thị T; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21-3-2018 và ngày 14-9-2018) - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-10-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12-12-2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hoàng Doãn C trình bày:

Khoảng năm 1975, ông Hoàng Doãn C1, là bố của anh Hoàng Doãn C khai phá thửa ruộng ở xứ Đồng T, hiện nay là thửa đất số 119, tờ bản đồ địa chính số 43, diện tích 893m^2 tại xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là thửa đất số 119). Năm 1982, ông Hoàng Doãn C1 đổi thửa đất số 119 với ông Đinh Quang T để lấy thửa đất vườn làm nhà ở, hiện nay là thửa đất số 325, diện tích 475m^2 (viết tắt là thửa đất vườn). Việc đổi đất chỉ trao đổi miệng, không lập thành văn bản. Sau khi đổi đất, ông Hoàng Doãn C1 đã dựng một nhà sàn 05 gian trên thửa đất vườn; ông Đinh Quang T cũng đã canh tác trên thửa đất số 119; đến khoảng năm 1991, ông Đinh Quang T cho cháu là ông Đinh Văn Q sử dụng thửa đất số 119 để ăn vụ.

Năm 1997-1998, ông Đinh Quang T chết. Năm 2005, bà Đinh Thị K, là con gái của ông Đinh Quang T lấn chiếm đất xung quanh ngôi nhà sàn 05 gian của ông Hoàng Doãn C1 để canh tác và đòi lại thửa đất vườn. Khi Ủy ban nhân dân xã T, huyện B hòa giải tranh chấp đất, bà Đinh Thị K và ông Hoàng Doãn C1 đã thống nhất trả lại đất cho nhau. Do đó, ngày 05-7-2008, anh Hoàng Doãn C đã kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119; ngày 20-11-2009, hộ anh Hoàng Doãn C đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ H.00426 đối với thửa đất số 119 nói trên.

Tuy nhiên, thửa đất số 119 do gia đình bà Hoàng Thị T sử dụng, bà Hoàng Thị T không đồng ý trả lại đất nên bà Đinh Thị K cũng không trả lại đất

cho ông Hoàng Doãn C1 được. Do đó, anh Hoàng Doãn C khởi kiện, yêu cầu bà Hoàng Thị T trả lại thửa đất số 119 và chấm dứt việc tranh chấp thửa đất với anh Hoàng Doãn C.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T, là bị đơn và là người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Văn N trình bày: Năm 1984, bà Hoàng Thị T kết hôn với ông Đinh Văn Q. Thời điểm đó, bà Hoàng Thị T đã thấy ông Đinh Văn Q canh tác trên thửa đất số 119. Thời gian đầu, ông Đinh Quang T cho gia đình ông Đinh Văn Q canh tác ăn vụ; khoảng năm 1994, ông Đinh Quang T đã cho ông Đinh Văn Q thửa đất số 119 và gia đình bà Hoàng Thị T đã sử dụng liên tục, ổn định. Ban đầu, thửa đất còn hẹp, quá trình sử dụng, gia đình bà Hoàng Thị T đã khai phá thêm nên mới được diện tích rộng như hiện nay.

Bà Hoàng Thị T xác định thửa đất số 119 là của ông Đinh Quang T cho gia đình bà từ năm 1994-1995. Do đó, bà Hoàng Thị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Doãn C; đồng thời bà Hoàng Thị T yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm ông Hoàng Doãn C1 và chị Dương Thị C nhất trí với nội dung trình bày của anh Hoàng Doãn C và đều yêu cầu bà Hoàng Thị T trả đất cho anh Hoàng Doãn C;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là ông Đinh Văn Q trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thống nhất với nội dung bà Hoàng Thị T đã trình bày;

Bà Đinh Thị K trình bày: Thửa đất số 119 do ông Đinh Quang T, là bố của bà Đinh Thị K khai phá; ông Đinh Quang T sử dụng canh tác khoảng 01 năm thì cho ông Đinh Văn Q canh tác ăn vụ; khoảng năm 1994 - 1995 thì ông Đinh Quang T cho ông Đinh Văn Q thửa đất số 119. Bà Đinh Thị K xác định không có quyền lợi liên quan trong vụ án vì ông Đinh Quang T đã cho ông Đinh Văn Q thửa đất số 119 và gia đình ông Đinh Văn Q đã sử dụng ổn định từ lâu.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B trình bày: Sau khi thành lập bản đồ địa chính xã T, huyện B, ngày 05-7-2008, anh Hoàng Doãn C đã có đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119; ngày 20-11-2009, Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ H.00426, số bìa AN264237 cho hộ anh Hoàng Doãn C đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2003. Do đó, bà Hoàng Thị T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119 là không có cơ sở.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27-4-2018, xác định đất tranh chấp thửa đất số 119, diện tích 893m^2, có ranh giới tiếp giáp và kích thước cạnh cụ thể như sau:

Phía Đông giáp thửa đất số 120 của bà Hoàng Thị T;

Phía Tây giáp thửa đất số 315 của bà Hoàng Thị T;

Phía Nam giáp thửa đất số 4 của bà Hoàng Thị T;

Phía Bắc giáp thửa đất của ông Hoàng Doãn H.

Tại thời điểm tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, trên thửa đất có 250m^2 đất đang trồng lạc và 643m^2 đất đang trồng ngô;

Giá quyền sử dụng đất tranh chấp là 38.000 đồng/m^2, trị giá thửa đất là 33.934.000 đồng; giá trị cây lạc là 2.125.000 đồng; giá trị cây ngô là 4.179.000 đồng. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất là 40.238.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, anh Hoàng Doãn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng của anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Doãn C và quyết định nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định.

Ông Hoàng Doãn C1, bà Đinh Thị K nhất trí với ý kiến của anh Hoàng Doãn C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc thửa đất là của ông Hoàng Doãn C1; năm 1982, ông Hoàng Doãn C1 đã đổi với ông Đinh Quang T để lấy thửa đất vườn làm nhà ở. Sau khi đổi đất, hai bên đã sử dụng phần đất nhận chuyển đổi. Năm 1997, ông Đinh Quang T chết; khoảng năm 2005, bà Đinh Thị K và ông Hoàng Doãn C1 đã thỏa thuận trả lại đất cho nhau; năm 2008, anh Hoàng Doãn C đã kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Doãn C, không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119.

Về án phí, anh Hoàng Doãn C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Doãn C.

Bà Hoàng Thị T không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Doãn C và yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Hoàng Doãn C1, nhưng đã đổi cho ông Đinh Quang T từ năm 1982; hơn nữa, theo lời khai của ông Hoàng Doãn C1 tại phiên tòa thì năm 1982 đất vẫn do Hợp tác xã quản lý, đến năm 1990 Hợp tác xã mới giải thể. Từ năm 1994 đến nay, bà Hoàng Thị T và ông Đinh Văn Q là người sử dụng đất ổn định, anh Hoàng Doãn C không có quá trình sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Doãn C; đề nghị

chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119.

Về án phí, bà Hoàng Thị T là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Hoàng Thị T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; việc xác minh, thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi hồ sơ, quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định.

Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đất tranh chấp là thửa đất số 119, diện tích là 893m^2. Trước năm 1982, thửa đất do ông Hoàng Doãn C1 quản lý, sử dụng; năm 1982 ông Hoàng Doãn C1 đổi đất với ông Đinh Quang T. Sau khi đổi đất, ông Hoàng Doãn C1 đã dựng nhà trên thửa đất vườn, ngôi nhà hiện nay vẫn còn; năm 1994, ông Đinh Quang T cho bà Hoàng Thị T thửa đất số 119 và vợ chồng bà Hoàng Thị T đã sử dụng liên tục đến nay. Thực tế anh Hoàng Doãn C không có quá trình sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Doãn C về việc được quyền sử dụng thửa đất số 119 không có cơ sở chấp nhận. Năm 2008, anh Hoàng Doãn C kê khai, đăng ký và đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119. Việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Doãn C được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, nhưng không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho anh Hoàng Doãn C.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 10-11-2017, anh Hoàng Doãn C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn về tranh chấp quyền sử dụng đất. Ngày 11-01-2018, anh Hoàng Doãn C nộp Biên lai thu tiền tạm ứng án phí; cùng ngày, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án. Việc Tòa án nhân dân

huyện B thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại biên bản lấy lời khai ngày 29-01-2018, bà Hoàng Thị T đề nghị Tòa án xem xét, hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho anh Hoàng Doãn C; ngày 22-5-2018, Tòa án nhân dân huyện B ra Quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết. Việc quyết định chuyển vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 34, khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lộc Quang C, là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện B vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Dương Thị C, ông Đinh Văn Q và anh Đinh Văn N vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của anh Hoàng Doãn C về việc đòi quyền sử dụng thửa đất số 119 và buộc bà Hoàng Thị T chấm dứt hành vi tranh chấp thấy rằng: Về nguồn gốc thửa đất, anh Hoàng Doãn C và ông Hoàng Doãn C1 trình bày nguồn gốc thửa đất số 119 do ông Hoàng Doãn C1 khai phá; năm 1982 ông Hoàng Doãn C1 đổi thửa đất số 119 với ông Đinh Quang T để lấy thửa đất vườn của ông Đinh Quang T, việc đổi đất chỉ trao đổi miệng. Tại phiên tòa, bà Đinh Thị K thừa nhận việc đổi đất giữa ông Hoàng Doãn C1 và ông Đinh Quang T; quá trình hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B ngày 18-3-2014 và ngày 31-12-2015, Hội đồng hòa giải đều xác định việc đổi đất giữa ông Hoàng Doãn C1 và ông Đinh Quang T là có thật. Do đó, có cơ sở xác định thửa đất số 119 có nguồn gốc của ông Hoàng Doãn C1; năm 1982, ông Hoàng Doãn C1 đổi thửa đất số 119 lấy thửa đất vườn của ông Đinh Quang T.

[5] Về quá trình sử dụng thửa đất số 119: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Hoàng Doãn C và ông Hoàng Doãn C1 thừa nhận sau khi đổi đất năm 1982, ông Đinh Quang T đã quản lý, canh tác trên thửa đất số 119, sau đó cho cháu là ông Đinh Văn Q sử dụng đến nay. Bà Hoàng Thị T và ông Đinh Văn Q xác định thời gian đầu ông Đinh Quang T cho gia đình ông bà sử dụng thửa đất số 119 để ăn vụ; khoảng năm 1994 - 1995 thì ông Đinh Quang T cho ông Đinh Văn Q thửa đất nói trên. Do đó, có sơ sở xác định từ năm 1982, thửa đất số 119 do ông Đinh Quang T và ông Đinh Văn Q sử dụng; ông Hoàng Doãn C1 và anh Hoàng Doãn C không sử dụng thửa đất số 119, do đã đổi đất với ông Đinh Quang T.

[6] Về quyền sử dụng thửa đất số 119: Từ trước năm 2008, gia đình bà Hoàng Thị T, gia đình ông Hoàng Doãn C1, gia đình ông Đinh Quang T đều không kê khai, đăng ký quyền sử dụng thửa đất số 119; việc ông Đinh Quang T cho ông Đinh Văn Q quyền sử dụng thửa đất số 119 cũng không lập thành văn bản. Tuy nhiên, ông Đinh Quang T, sau này là ông Đinh Văn Q và bà Hoàng Thị

T đã sử dụng ổn định thửa đất từ năm 1982 đến năm 2014 mới xảy ra tranh chấp với ông Hoàng Doãn C1 và anh Hoàng Doãn C; bà Đinh Thị K thừa nhận giữa gia đình bà với gia đình bà Hoàng Thị T và gia đình ông Hoàng Doãn C1 không có tranh chấp đối với thửa đất số 119. Căn cứ vào khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010, bà Hoàng Thị T và ông Đinh Văn Q có quyền sử dụng thửa đất số 119. Do đó, anh Hoàng Doãn C khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị T trả lại thửa đất số 119 là không có căn cứ.

[7] Xét yêu cầu của bà Hoàng Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 119: Ngày 05-7-2008, anh Hoàng Doãn C kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 05 thửa đất, và ngày 20-11-2009, Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ CH00426, số bìa AN264237 cho hộ anh Hoàng Doãn C, trong đó có thửa đất số 119. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Hoàng Doãn C do Ủy ban nhân dân huyện B nộp thể hiện, tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Hoàng Doãn C, phần xác nhận của Ủy ban nhân dân xã có nội dung *"Nguồn gốc sử dụng đất: ông cha để lại"* và *"Thời điểm sử dụng đất vào mục đích hiện tại: trước 1993"*. Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện B xác định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Doãn C là đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

[8] Xét thấy, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh Hoàng Doãn C được thực hiện đúng quy định, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất không có tranh chấp, quá trình thực hiện thủ tục không có khiếu nại. Tuy nhiên, nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân xã về nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất của anh Hoàng Doãn C không phù hợp thực tế, cụ thể, từ năm 1982, gia đình ông Hoàng Doãn C1, anh Hoàng Doãn C không sử dụng đất; tại thời điểm kê khai, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh Hoàng Doãn C cũng không phải là người sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119 là không đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, yêu cầu của bà Hoàng Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119 là có căn cứ.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.500.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Doãn C không được chấp nhận, do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, anh Hoàng Doãn C phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, và định giá tài sản với số tiền 3.500.000 đồng.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Doãn C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn; tại phiên tòa, anh Hoàng Doãn C đề nghị được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hoàng Doãn C.

[11] Các đương sự không phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2010; khoản 1, 3 Điều 95, điểm d khoản 2 Điều 106, khoản 1, 5 Điều 166 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 164, Điều 169 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Doãn C về việc được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 119, tờ bản đồ số 43, diện tích 893m^2 tại xứ Đồng T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Buộc anh Hoàng Doãn C chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng thửa đất số 119 nói trên với bà Hoàng Thị T và ông Đinh Văn Q.

1.2. Bà Hoàng Thị T và ông Đinh Văn Q được quyền sử dụng thửa đất số 119, tờ bản đồ số 43, diện tích 893m^2 tại xứ Đồng T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

2. Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ H 00426, số bìa AN264237 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 20-11-2009 cho hộ anh Hoàng Doãn C đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 43, diện tích 893m^2 tại xứ Đồng T, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm

3.1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Anh Hoàng Doãn C phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận anh Hoàng Doãn C đã nộp đủ số tiền 3.500.000 đồng nói trên.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Doãn C được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Hoàng Doãn C 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 03 ngày 11-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Lệ Hường